

BẢNG TỔNG HỢP THIẾT HẠI VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI																					
(Kèm theo Thông báo số 154/TB-UBND, ngày 07/8/2026 của UBND xã Hợp Thành)																					
TT	Địa phương	Thiết hại trên 70% diện tích									Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích							Kinh phí hỗ trợ			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm			Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh	Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu	
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại từ nguồn trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại từ nguồn trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống					
		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
	1	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15	18	19	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng	8,29690	1,25760	0,00000	0,00100	0,48240	0,52800	0,00000	0,00000	0,00000	8,87680	0,32400	0,01680	0,03600	0,00000	0,00000	0,00000	96,20340	0,00000	0,00000	96,20340
1	Phù Lý	0,642	0,036	0	0,001	0,0864	0	0	0	0	1,134	0	0	0	0	0	0	8,0904	0	0	8,0904
2	Hiệp Hòa	0,444	0	0	0	0,036	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,88	0	0	2,88
3	Đồng Rôm	0,9088	0	0	0	0,036	0	0	0	0	0,9612	0	0	0	0	0	0	8,5524	0	0	8,5524
4	Na Lãng	0,708	0,0816	0	0	0,108	0	0	0	0	0,54	0	0	0	0	0	0	7,1688	0	0	7,1688
5	Đồng Chợ	1,2984	0	0	0	0,036	0,06	0	0	0	2,6172	0	0,0168	0	0	0	0	16,5084	0	0	16,5084
6	Khuân Lân	0,216	0	0	0	0	0	0	0	0	0,8088	0	0	0	0	0	0	3,7224	0	0	3,7224
7	Phù Thành	1,854	0	0	0	0,18	0,108	0	0	0	0,072	0	0	0	0	0	0	13,5	0	0	13,5
8	Mãn Quang	1,7827	0,528	0	0	0	0,36	0	0	0	0,0756	0	0	0	0	0	0	18,747	0	0	18,747
9	Ôn Lương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	4
10	Na Pặng	0,18	0	0	0	0	0	0	0	0	2,596	0,072	0	0	0	0	0	9,156	0	0	9,156
11	Khau Lai	0	0,324	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,592	0	0	2,592
12	Đầm Rum	0,227	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,362	0	0	1,362

|

|